

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-PT

Ngày 19 - 3 - 2025

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/3 và 19/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2024/TLPT-DS ngày 13/12/2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án số 48/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXPT-DS ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đoàn Ngọc L, sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Thúy H, sinh năm 1982

Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Tổ 1A, Kp. T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Mai Bích N, sinh năm 1975, Công ty luật TNHH A - Đoàn Luật sư Thành phố H, địa chỉ: Tầng 2, số 121 phố X, phường T, quận C, Tp. Hà Nội.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Thị Thúy H, ông Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Ngọc L trình bày:

Ông L và bà H quen biết nhau do mẹ ruột của ông L giới thiệu. Ngày 12/10/2023 bà Đoàn Thị Thúy H gặp ông L và hỏi vay ông L số tiền là 1.200.000.000 (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), mục đích để đáo hạn ngân hàng, thời gian vay từ ngày 12/10/2023 đến ngày 22/10/2023, ông L có hỏi thì bà H nói vay để đáo hạn sổ đỏ của gia đình, ông L có nói với bà H là nói chồng của bà H ký vào giấy vay nhưng bà H có nói là chồng bà công tác tại Công an tỉnh Bình Phước tên là Nguyễn Minh T và lúc vay có điện thoại cho chồng bà H nói là đến ký giấy vay cho tôi và lúc đó bà H có nói là chồng đi công tác về không kịp hơn nữa vay để đáo hạn Ngân hàng chỉ trong khoảng 10 ngày nên nói tôi yên tâm. Tôi có nói với bà H chồng bà H không ký cũng được nhưng phải có thể chấp tài sản chung của vợ chồng bà H thì tôi mới cho vay nên bà H đã thể chấp cho tôi thửa đất số 236, tờ bản đồ số 17 tọa tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H 2419/QSDĐ/2724/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/05/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H. Lúc đó tôi hỏi bà H có được sự đồng ý của gia đình không thì bà H cam kết ông T biết nên mới cho phép lấy tài sản gia đình để thể chấp làm tin. Tôi nghe vậy nên không ý kiến gì và bà H viết giấy vay cho tôi, số tiền 1.200.000.000 đồng tôi chuyển khoản cho bà H.

Ngày 18/10/2023 bà H lại nhắn tin cho tôi hỏi vay số tiền 500 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận, vì tin tưởng tôi đã chuyển khoản cho bà H. Giữa tôi và bà H không lập giấy vay tiền. Bà H cam kết ngày 22/10/2023 sẽ trả hết toàn bộ số tiền vay là 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*) và lãi suất theo thỏa thuận.

Đến hạn, tôi gọi điện và nhắn tin cho bà H rất nhiều lần nhưng đều không được. Sau đó, tôi liên hệ với chồng bà H (ông Nguyễn Minh T) thì ông T không hợp tác.

Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Đoàn Thị Thúy H và chồng là ông Nguyễn Minh T liên đới trả cho tôi số tiền là 1.852.986.000 (*Một tỷ tám trăm năm mươi hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000 (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*), tiền lãi theo quy định pháp luật là 20%/ năm từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ, tạm tính từ ngày 22/10/2023 đến ngày 26/03/2024 là 152.986.000 (*Một trăm năm mươi hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đoàn Thị Thúy H và ông Nguyễn Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, Điều 280, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc L.

Buộc bà Đoàn Thị Thúy Hằng và ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Đoàn Ngọc L số tiền gốc 1.700.000.000đồng, tiền lãi 315.318.266 đồng. Tổng cộng 2.015.318.266 (*Hai tỷ không trăm mười lăm triệu ba trăm mười tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng*).

Trường hợp bà Đoàn Thị Thúy H và ông Nguyễn Minh T trả hết nợ gốc, nợ lãi thì ông Đoàn Ngọc L có nghĩa vụ trả lại Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 236, tờ bản đồ số 17 tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước số vào sổ H 2419/QSDĐ/2724/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/05/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H cho bà Đoàn Thị Thúy H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 18/10/2024 bị đơn ông T, bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa phản ánh đúng bản chất của sự việc, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm do có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bà H, ông T làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà H, ông T thấy rằng: Theo hợp đồng cho vay tiền được lập ngày 12 tháng 10 năm 2023, theo nội dung trong hợp đồng thể hiện: ông Đoàn Ngọc L cho bà Đoàn Thị Thúy H vay số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay từ ngày 12 tháng 10 năm 2023 đến ngày 22 tháng 10 năm 2023, tài sản thế chấp thửa đất số 236, tờ bản đồ số 17 tọa tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H 2419/QSDĐ/2724/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/05/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H, hợp đồng cho vay tiền có chữ ký của ông Đoàn Ngọc L và bà Đoàn Thị Thúy H. Ngoài ra, ngày 18/10/2023 nguyên đơn ông L tiếp tục cho bà H vay số tiền 500.000.000 đồng, tổng cộng 1.700.000.000 đồng. Ông L đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà Hằng 4 lần với tổng số tiền 1.700.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm phía bị đơn đều vắng mặt không hợp tác, ông Nguyễn Minh T chỉ ủy quyền cho bà Phạm Hương G thực hiện việc sao chụp hồ sơ vụ án nhưng không ủy quyền để tham gia trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết các văn bản tố tụng cho bà H và ông T theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà H và ông T không đến Tòa để làm việc và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 05/09/2024, ông T, bà H gửi đơn đề nghị hoãn phiên Tòa ngày 06/9/2024 và ngày 26/9/2024. Như vậy, bà H, ông T biết việc ông L khởi kiện nhưng không có ý kiến gì, được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Trong quá trình Toà cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết ông T bà H đã thể hiện ý kiến của mình tại văn bản ngày 15/02/2025 đều thừa nhận số tiền bà H vay của ông L theo hợp đồng cho vay tiền được lập ngày 12 tháng 10 năm 2023 và số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản vào ngày 18/10/2023, tổng cộng là 1.700.000.000 đồng. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định tại các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu đồng) cùng với lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền là 2.015.318.266 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về tài sản thế chấp: Tại hợp đồng cho vay tiền ngày 12/10/2023 thể hiện bà H thế chấp cho ông L thửa đất số 236, tờ bản đồ số 17 tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ H 2419/QSDĐ/2724/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/05/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H. Hiện bản chính giấy chứng nhận QSDĐ này ông L đang giữ. Xét thấy việc thế chấp tài sản trên chỉ để làm tin khi cho vay, việc thế chấp không lập thành hợp đồng riêng, không có công chứng, chứng thực và không đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do phía bị đơn không hợp tác trong suốt quá trình cấp sơ thẩm giải quyết và cũng không thực hiện yêu cầu phản tố liên quan đến tài sản đã thế chấp nhưng Toà cấp sơ thẩm tuyên xử buộc nguyên đơn trả lại Bản chính giấy CNQSD đất khi bà H, ông T trả hết nợ là không phù hợp. Tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn ông Đoàn Ngọc L đã đồng ý tự nguyện trả lại GCNQSDĐ do bà H đã thế chấp, đây là sự tự nguyện của ông L, sự tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên việc tuyên trả GCNQSDĐ cũng nhằm thể hiện ý chí của các bên khi tham gia giao dịch, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn và giải quyết triệt để được vụ án nên không cần thiết phải tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu hay phải huỷ Bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn mà chỉ cần sửa cách tuyên cho phù hợp là “*..Ông Đoàn Ngọc L có nghĩa vụ trả lại Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 236, tờ bản đồ số 17 tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước số vào sổ H 2419/QSDĐ/2724/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/05/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H cho bà Đoàn Thị Thúy H*”.

Đối với quan điểm của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng theo hợp đồng cho vay tiền thì chỉ một mình bà H là người vay, không có mặt ông T, mặc dù ghi trên hợp đồng mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng nhưng thực tế bà H sử dụng cho nhu cầu cá nhân. Xét thấy, tại thời điểm các bên giao dịch lập hợp đồng vay tiền và đến tại thời điểm hiện nay hôn nhân giữa ông

T và bà H vẫn đang tồn tại, phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh ông T không phải có nghĩa vụ liên đới đối với khoản nợ vay này. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình để buộc ông T cùng có trách nhiệm liên đới với bà H trả nợ cho ông L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của phía bị đơn cung cấp cùng với tài liệu chứng cứ thể hiện việc sao kê liên quan đến tiền lãi đã thanh toán nhiều lần cho phía nguyên đơn với tổng số tiền 192.000.000 đồng, xét thấy, do tại cấp sơ thẩm bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến và chưa thực hiện yêu cầu phản tố đối với số tiền này. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều thừa nhận ngoài khoản tiền vay nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán thì giữa bà H và ông L còn giao dịch nhiều khoản vay khác, đồng thời theo tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp không thể hiện rõ nội dung chuyển tiền, phía nguyên đơn cũng không thừa nhận số tiền trên các chứng từ do bị đơn cung cấp là tiền trả lãi cho khoản vay 1.700.000.000 đồng. Do vậy, không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét số tiền trên trong vụ án này, sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà H, ông T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về tuyên trả lại GCNQSDĐ là tài sản thế chấp để làm tin trong hợp đồng vay tài sản.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn nên bị đơn không phải chịu.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H, sửa một phần Bản án số 48/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc L.

Buộc bà Đoàn Thị Thúy H và ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Đoàn Ngọc L số tiền vay gốc 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi 315.318.266 (Ba trăm mười tám triệu ba trăm mười tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng. Tổng cộng 2.015.318.266 (*Hai tỷ không trăm mười lăm triệu ba trăm mười tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Đoàn Ngọc L có nghĩa vụ trả lại Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 236, tờ bản đồ số 17 tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước số vào sổ H 2419/QSĐĐ/2724/QĐUB do UBND thị xã Đ cấp ngày 28/05/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Minh T và bà Đoàn Thị Thúy H cho bà Đoàn Thị Thúy H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Thúy H và ông Nguyễn Minh T liên đới phải chịu 72.306.365 (*Bảy mươi hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm sáu mươi lăm*) đồng.

Hoàn trả cho ông Đoàn Ngọc L số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001178 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Thuý H và ông Nguyễn Minh T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà H, ông T mỗi người số tiền 300.000 đồng đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001674, 0001675 cùng ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;
- CCTHA dân sự thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: (HS, TNV, TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga